

Số: /KH-SNN

Bắc Giang, ngày tháng 01 năm 2021

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 15/01/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ và các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021

Thực hiện Kế hoạch số 10/KH-UBND Ngày 15 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ và các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; Quyết định số 19/QĐ-BNN-KH ngày 04/01/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ. Để triển khai kịp thời, hiệu quả Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp & PTNT và Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung chủ yếu sau:

I. BỐI CẢNH TÌNH HÌNH

Năm 2020 sản xuất nông nghiệp của tỉnh phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như: Thời tiết, khí hậu có diễn biến dị thường (đầu năm nền nhiệt độ cao hơn so với trung bình nhiều năm từ 3,1 - 3,6⁰; xảy ra mưa to kèm theo giông lốc, mưa đá; giữa tháng 4 có các đợt không khí lạnh; đầu vụ mùa có các đợt nắng nóng gay gắt kéo dài,...); dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi diễn biến phức tạp, khó lường luôn tiềm ẩn nguy cơ bùng phát trở lại, đặc biệt là các dịch bệnh tả lon châu Phi, cúm gia cầm, LMLM trên gia súc. Cùng với đó là đại dịch Covid-19 diễn biến hết sức phức tạp (có thời điểm phải thực hiện giãn cách xã hội) đã ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất nông nghiệp, nhất là sinh trưởng của một số loài cây trồng, tái đàn vật nuôi, vấn đề thị trường tiêu thụ nông sản, ... Tuy nhiên, được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, của Bộ Nông nghiệp và PTNT, sản xuất nông nghiệp đã đạt được kết quả nổi bật, toàn diện, khẳng định vững chắc là vai trò trụ đỡ của nền kinh tế tỉnh, tốc độ tăng trưởng (GRDP) ngành nông lâm nghiệp và thủy sản năm 2020 đạt 6,7%; có sự chuyển biến rõ nét hơn trong thực hiện 3 đột phá chiến lược, cơ cấu lại ngành gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng và xây dựng nông thôn mới.

Năm 2021 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, diễn ra Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Bầu cử Quốc hội khóa XV, bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp; năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX,

nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Kế hoạch phát triển - kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025. Ngành nông nghiệp và PTNT có nhiều cơ hội, nhưng dự báo còn nhiều khó khăn, thách thức như: Chất lượng, bảo đảm an toàn thực phẩm của sản phẩm còn thấp, nên năng lực cạnh tranh còn hạn chế; thị trường tiêu thụ nông sản còn khó khăn do đại dịch Covid-19 diễn biến hết sức phức tạp; biến đổi khí hậu gây nên nhiều hình thái thời tiết cực đoan, khó lường (lũ lụt, hạn hán, rét đậm, rét hại kéo dài, hiện tượng băng giá xuất hiện ở vùng cao...); dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro, khó lường, nhất là các dịch bệnh tả lợn châu Phi, cúm gia cầm, LMLM trên gia súc,... Những yếu tố trên sẽ tác động mạnh đến hoạt động sản xuất nông nghiệp, đòi hỏi toàn ngành phải nỗ lực đổi mới, hành động quyết liệt hơn, tập trung nguồn lực, tận dụng thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo Kế hoạch số 10/KH-UBND Ngày 15 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh Bắc Giang và Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành kèm theo Quyết định số 19/QĐ-BNN-KH ngày 04/01/2021 và phân đấu hoàn thành thắng lợi mục tiêu kế hoạch năm 2021 đề ra.

II. MỤC TIÊU

Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách của Trung ương, của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh về kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn. Trong đó tập trung thực hiện tái cơ cấu lại ngành gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và xây dựng nông thôn mới. Phát triển nông nghiệp đa dạng, bền vững theo hướng sản xuất tập trung quy mô lớn, đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, nhất là ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất để nâng cao năng xuất, chất lượng hiệu quả và khả năng cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường trong nước và hướng tới xuất khẩu; nâng cao thu nhập và cải thiện mức sống cho người dân nông thôn, góp phần giảm tỷ lệ đói nghèo và bảo vệ môi trường sinh thái.

Các chỉ tiêu chính:

- Tốc độ tăng GRDP ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản dự kiến 2,0%;
- Giá trị sản xuất/01ha đất sản xuất nông nghiệp đạt 125 triệu đồng;
- Tỷ lệ che phủ rừng: 38%;
- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt: 98,5%;
- Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước sạch (QCVN02): 78%;
- Số tiêu chí nông thôn mới bình quân đạt được/xã (tính lũy kế): 16,8 %;
- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới: 14 xã (tính lũy kế 138 xã); Huyện đạt chuẩn nông thôn mới: 01 huyện (huyện Yên Dũng);
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới: 75%;
- Tỷ lệ cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh nông lâm sản, thủy sản được cấp giấy chứng nhận ATTP: 94,0%;
- Tỷ lệ sản xuất thâm canh rau theo tiêu chuẩn VietGap: 46,2%;
- Tỷ lệ sản xuất thâm canh cây ăn quả theo tiêu chuẩn VietGap: 44,5%;

- Tỷ lệ sản xuất thâm canh thủy sản theo tiêu chuẩn VietGap: 43,0%;
- Tỷ lệ tổng đàn chăn nuôi lợn theo tiêu chuẩn VietGap: 44,0 %;
- Tỷ lệ tổng đàn chăn nuôi gia cầm theo tiêu chuẩn VietGap: 46,0%;

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Rà soát, định hướng các vùng sản xuất chuyên canh tập trung đối với các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng, theo lợi thế của từng địa phương và nhu cầu thị trường

Tiếp tục tiến hành rà soát hiện trạng đất đai, lợi thế của từng địa phương và nhu cầu thị trường để xác định không gian phát triển nông nghiệp, trọng tâm là các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh các sản phẩm chủ lực, đặc trưng của tỉnh như: lúa chất lượng, rau chế biến, rau an toàn, chè, cây ăn quả (*vải, cam, bưởi, na,...*), chăn nuôi gà, lợn, thủy sản, vùng sản xuất gỗ nguyên liệu,... các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao để định hướng quy hoạch hệ thống kết cấu hạ tầng, các cơ sở chế biến, dịch vụ kỹ thuật phục vụ sản xuất, thu hút các doanh nghiệp đầu tư liên kết, hợp tác sản xuất, tiêu thụ theo chuỗi giá trị.

Phối hợp với các Sở, ngành liên quan và các địa phương tổ chức triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại Quyết định số 1733/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kết quả xây dựng bản đồ số hóa các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng; các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh đến năm 2030.

Tập trung tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trong lĩnh vực thuộc ngành Nông nghiệp và PTNT quản lý sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp cơ cấu lại ngành gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp.

Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Bắc Giang theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, trong đó cần tập trung vào các lĩnh vực, sản phẩm có thế mạnh, tiềm năng phát triển như: cây vải, cây có múi (*cam Đường Canh, cam Vinh, bưởi Diên,...*); lúa hàng hóa, lúa chất lượng; cây lạc; cây rau chế biến, rau an toàn; đàn gà (*gà đồi*) và lợn thịt; thủy sản; cây lấy gỗ và cây dược liệu. Trong từng lĩnh vực cần tập trung vào các khâu có tính đột phá như: Sản xuất, nâng cao chất lượng cây, con giống; sản xuất theo hướng an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh; sản xuất ứng dụng công nghệ cao; chuyên giao, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; bảo quản, chế biến nông sản.

2.1. Đối với lĩnh vực trồng trọt:

- *Chỉ tiêu sản xuất:*

Diện tích cây lương thực có hạt 109.700 ha, sản lượng 620.740 tấn; diện tích vải thiều 27.700 ha, sản lượng 160.000 tấn; diện tích cam 5.080 ha, sản lượng 53.340 tấn; diện tích bưởi 5.600 ha, sản lượng 35.000 tấn.

- *Nhiệm vụ, giải pháp:*

Tập trung đẩy mạnh sản xuất, thực hiện tái cơ cấu ngành trồng trọt theo hướng phát triển các cây trồng chủ lực (*lúa, ngô, lạc, rau chế biến, rau an toàn; vải thiều, cây có múi: cam, bưởi,..*); sản xuất với quy mô lớn, tập trung theo các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị; đẩy mạnh các biện pháp thâm canh, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới, lựa chọn các giống chất lượng, năng suất cao đưa vào sản xuất; phát triển các khu sản xuất chuyên canh, cánh đồng mẫu lớn; đẩy mạnh cơ giới hóa các khâu trong sản xuất; nâng cao hiệu quả hoạt động chuyển giao khoa học kỹ thuật cho người nông dân; chỉ đạo xây dựng và triển khai hiệu quả Đề án hỗ trợ phát triển sản xuất cây ăn quả có múi theo tiêu chuẩn an toàn, bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.

Phối hợp với các địa phương tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn 163 mô hình cánh đồng mẫu, với diện tích 5.159 ha và 184 mô hình sản xuất rau và hoa ứng dụng công nghệ cao sản xuất trong nhà lưới, nhà màng, với diện tích trên 400.000 m² đảm bảo sản xuất hiệu quả để phát huy được nguồn vốn ngân sách nhà nước đã đầu tư.

2.2. Đối với lĩnh vực chăn nuôi

- *Chỉ tiêu sản xuất:* Tổng đàn trâu 40,0 nghìn con; tổng đàn bò 137,4 nghìn con; tổng đàn lợn 1,2 triệu con; tổng đàn gia cầm 19,5 triệu con, trong đó đàn gà 16,6 triệu con. Sản lượng thịt hơi các loại 229,0 nghìn tấn.

- *Nhiệm vụ, giải pháp:*

Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu ngành chăn nuôi theo hướng chuyển từ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển chăn nuôi trang trại, duy trì chăn nuôi nông hộ nhưng theo hình thức công nghiệp và ứng dụng công nghệ cao; phát triển chăn nuôi theo hướng an toàn dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm, truy xuất nguồn gốc; khuyến khích tổ chức sản xuất chăn nuôi theo quy trình VietGAP, khép kín, liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị để cắt giảm chi phí, tăng hiệu quả kinh tế; xây dựng và triển khai hiệu quả Đề án hỗ trợ các cơ sở sản xuất giống dê trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.

Tăng cường công tác giám sát, phòng chống dịch bệnh; tổ chức kiểm soát, ngăn chặn buôn bán, vận chuyển trái phép gia súc, gia cầm, sản phẩm chăn nuôi trên địa bàn; đẩy mạnh kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y tại các cơ sở chăn nuôi, giết mổ; kiểm tra kiểm soát các cơ sở sản xuất kinh doanh giống vật nuôi, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi đặc biệt là sử dụng chất cấm trong chăn nuôi,... Quản lý giám sát chặt chẽ, không để dịch bệnh bùng phát, hạn chế tối đa khả năng tái phát dịch bệnh cúm gia cầm, lở mồm long móng, dịch tả lợn Châu Phi. Triển khai thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch tả lợn Châu Phi theo Kế hoạch số 3589/KH-UBND ngày 14/8/2020 của UBND tỉnh V/v Phòng chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, đồng thời tăng số

lượng, sản lượng các sản phẩm động vật xuất bán đáp ứng các yêu cầu vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm. Thực hiện xây dựng “Vùng an toàn dịch bệnh Cúm gia cầm và Newcastle đối với gà trên địa bàn huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025”; hỗ trợ chuỗi liên kết sản xuất phát triển chăn nuôi lợn và gia cầm theo Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 – 2025

2.3. Đối với lĩnh vực thủy sản

- Chỉ tiêu sản xuất:

Diện tích nuôi thủy sản 12.410 ha, trong đó: diện tích chuyên canh 5.900 ha; diện tích thâm canh 1.700 ha. Sản lượng thủy sản 49.500 tấn, trong đó sản lượng nuôi trồng 46.100 tấn.

- Nhiệm vụ, giải pháp:

Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu lĩnh vực thủy sản, theo hướng cơ cấu lại giống nuôi, đưa các giống có năng suất, giá trị cao vào sản xuất. Tập trung mở rộng diện tích nuôi thâm canh, bán thâm canh, nuôi theo hướng VietGAP để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Thực hiện tốt việc quản lý các cơ sở sản xuất giống, tăng cường công tác bình tuyển đàn cá bố mẹ; chuyển giao công nghệ sản xuất một số giống thủy sản có giá trị kinh tế cao cho các cơ sở sinh sản nhân tạo trên địa bàn; làm tốt công tác khuyến ngư, xây dựng các mô hình nuôi cá an toàn sinh học, nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP tại các địa phương có điều kiện phù hợp; đưa các giống cá có chất lượng thịt ngon, giá trị kinh tế cao như cá tầm, cá lăng chám, cá Anh Vũ ...vào sản xuất. Thực hiện có hiệu quả Đề án Phát triển tự động hóa trong nuôi thủy sản thâm canh tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025 (*Quyết định số 2265/QĐ-UBND ngày 11/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh*).

Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng thức ăn thủy sản và thanh tra bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

2.4. Đối với lĩnh vực Lâm nghiệp

- Chỉ tiêu sản xuất:

Trồng rừng tập trung 7.200 ha, trong đó rừng phòng hộ, đặc dụng 25,0 ha, rừng sản xuất 7.175,0 ha; khoán bảo vệ rừng 31.500 ha; chăm sóc rừng trồng 16.000 ha, trong đó rừng phòng hộ, đặc dụng 242,0 ha, rừng sản xuất 15.758,0 ha; trồng cây phân tán 2,0 triệu cây; giữ ổn định tỷ lệ che phủ rừng 38%; sản lượng gỗ khai thác rừng trồng 720.000 m³.

- Nhiệm vụ, giải pháp:

Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng. Tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Kế hoạch số 30-KH/TU ngày 27/02/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW của Ban Bí thư; Nghị quyết số 249-NQ/TU ngày 01/11/2017 của Ban

Thường vụ tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và các quy định của Nhà nước về công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng; gắn trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền đối với công tác lãnh đạo quản lý, bảo vệ, phát triển rừng ở địa phương. Triển khai thực hiện tốt Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 31/01/2018 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 249-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy để nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền địa phương, doanh nghiệp và người dân về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức trách nhiệm, tính chủ động trong thực hiện nhiệm vụ được giao của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Phấn đấu giảm số vụ vi phạm pháp luật về rừng so với năm 2020.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu lĩnh vực lâm nghiệp, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị rừng trồng sản xuất. Khuyến khích các doanh nghiệp, hộ gia đình liên kết đầu tư kinh phí trồng rừng thâm canh gỗ lớn; tăng cường quản lý giống cây lâm nghiệp, đưa giống mới, nâng cao tỷ lệ giống sản xuất từ công nghệ cây mô, có năng suất cao vào trồng rừng, áp dụng khoa học kỹ thuật từ khâu làm đất, xác định mật độ trồng, bón phân, chăm sóc rừng để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả rừng trồng; khuyến khích phát triển các mô hình bảo vệ, phát triển rừng kết hợp chăn nuôi và phát triển lâm sản ngoài gỗ; chuyển đổi dần cơ cấu sản phẩm từ khai thác gỗ non sang khai thác gỗ lớn; trồng cây dược liệu, cây bản địa có giá trị kinh tế cao dưới tán rừng để phát triển và bảo vệ rừng bền vững. Tăng cường quản lý việc khai thác rừng, chế biến gỗ và sử dụng đất rừng theo đúng quy định của pháp luật; khuyến khích, vận động nhân dân trồng rừng gỗ lớn; giám sát chặt chẽ các hoạt động khai thác khoáng sản trong rừng tự nhiên. Quản lý chặt chẽ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn, thực hiện kế hoạch trồng rừng thay thế đối với diện tích rừng bị chuyển đổi sang mục đích khác.

Tổ chức thực hiện tốt Phương án PCCCR: Chú trọng thực hiện các biện pháp phòng cháy; phát hiện kịp thời, tổ chức chữa cháy rừng theo phương châm 4 tại chỗ; kịp thời thông tin cảnh báo cháy rừng; huy động lực lượng, phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương dập lửa khi có cháy rừng xảy ra; đảm bảo an toàn về người và tài sản khi chữa cháy, hạn chế thấp nhất thiệt hại do cháy rừng gây ra.

Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện tốt Kế hoạch Tết trồng cây năm Tân Sửu. Trong năm 2021, hoàn thành xây dựng và phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững cho 3 Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ; Quy định mức hỗ trợ khoán quản lý, bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên không trồng bổ sung trên địa bàn tỉnh; Quy định cấp dự báo cháy rừng và bảng tra cấp dự báo cháy rừng; Quy định mức trợ cấp và hỗ trợ tiền ăn thêm cho người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được huy động tham gia chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

3. Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất

Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030, ưu tiên sản xuất giống chất lượng cao. Thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi nông

ng nghiệp số; triển khai các giải pháp để tận dụng tối đa cơ hội của Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, đặc biệt là các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, công nghệ sinh học... Ưu tiên đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 30/5/2019 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 401-NQ/TU ngày 03/4/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chiến lược phát triển nông nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035; thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về công nghệ, thiết bị công nghệ cao hỗ trợ mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo Kế hoạch số 1882/KH-UBND ngày 06/5/2020 của UBND tỉnh.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các dự án thuộc chương trình Nông thôn Miền núi, giai đoạn 2020-2025; Đề án khung nhiệm vụ KH&CN về quỹ gen, giai đoạn 2021-2025. Thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ trong toàn bộ các khâu của chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp. Ưu tiên đầu tư cho nghiên cứu, chọn tạo, phổ biến, chuyển giao các giống mới, các quy trình sản xuất tiên tiến, hiệu quả; ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ số, thông tin, viễn thông, viễn thám trong nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

Xây dựng kế hoạch khuyến nông trọng điểm tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025 để đẩy mạnh việc ứng dụng, chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ mới, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức khoa học kỹ thuật cho nông dân và hỗ trợ nông dân kết nối, tiếp cận với các dịch vụ khoa học công nghệ.

4. Tăng cường xúc tiến thương mại, thúc đẩy mở rộng thị trường tiêu thụ và xuất khẩu nông lâm thủy sản

Tăng cường phối hợp, tham gia Chương trình xúc tiến thương mại của Bộ Nông nghiệp và PTNT theo Quyết định số 5227/QĐ-BNN-KH ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt Kế hoạch xúc tiến đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2021-2025.

Nâng cao chất lượng, tăng sức cạnh tranh và tiếp cận thị trường cho sản phẩm nông nghiệp, gia tăng xuất khẩu nông sản có lợi thế của tỉnh vào các thị trường khó tính như Mỹ, Nhật, EU... Tăng cường năng lực nghiên cứu, dự báo và thông tin thị trường trong bối cảnh tác động của dịch bệnh xuyên biên giới để tổ chức sản xuất, tiêu thụ hiệu quả...

Đẩy mạnh tiêu thụ nông lâm thủy sản tại thị trường trong nước; thực hiện các giải pháp đẩy mạnh việc đưa hàng hóa từ nông thôn lên thành thị, khuyến khích phát triển các mô hình chợ bảo đảm an toàn thực phẩm, tiêu thụ kịp thời nông sản cho người dân; xây dựng hình ảnh sản phẩm thông qua nâng cao chất lượng nông sản, đảm bảo an toàn thực phẩm và phù hợp thị hiếu người tiêu dùng.

Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ triển khai các chương trình, đề án phát triển sản phẩm vải thiều hướng tới đạt tiêu chí sản phẩm quốc gia; đồng thời chỉ đạo, giám sát vùng trồng vải thiều đạt tiêu chuẩn ViệtGAP, GlobalGAP để có sản phẩm đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu sang thị trường Mỹ, Nhật, EU, Úc, ...Đề án hỗ trợ phát triển thương hiệu các sản phẩm nông sản chủ lực cấp tỉnh; đẩy mạnh tuyên

truyền, quảng bá các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực của tỉnh đến các chợ, siêu thị tại các khu đô thị, khu công nghiệp và các tỉnh, thành trên cả nước để mở rộng thị trường tiêu thụ.

Hỗ trợ nông dân, doanh nghiệp xây dựng phát triển thương hiệu, gắn với chỉ dẫn địa lý, cấp mã số vùng trồng; phát triển kinh doanh thương mại điện tử, các kênh phân phối, đẩy mạnh kết nối giữa nhà phân phối và nông dân tại các vùng sản xuất nông sản; tổ chức giới thiệu, quảng bá các sản phẩm OCOP của tỉnh.

5. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các đề án, cơ chế chính sách của Trung ương, của tỉnh đã ban hành; rà soát, điều chỉnh, bổ sung, xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất đáp ứng yêu cầu đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế thị trường, nhằm khơi thông nguồn lực phát triển ngành.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 401-NQ/TU ngày 03 tháng 4 năm 2019 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về Chiến lược phát triển nông nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035 và Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 30/5/2019 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 401-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ. Tập trung phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn theo các trục sản phẩm "nhóm sản phẩm chủ lực" và "nhóm sản phẩm đặc sản địa phương" (OCOP) nhằm khai thác tối đa lợi thế, tiềm năng của mỗi vùng, của từng địa phương. Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ gắn với công nghiệp chế biến, kết nối với thị trường tiêu thụ; phát triển thương hiệu và mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản và các sản phẩm chủ lực, đặc trưng của tỉnh thông qua việc triển khai thực hiện có hiệu quả Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025 (*Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh*); Quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025 (*Nghị quyết số 45/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh*).

Tổ chức thực hiện có hiệu quả các đề án hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn đã được ban hành¹; đồng thời rà soát, sửa đổi, bổ sung, tham mưu đề xuất các cơ chế chính sách, đề án mới nhằm khai thác tối đa lợi thế, tiềm năng của mỗi vùng, của từng địa phương, như: Quy định mức hỗ trợ khoán quản lý, bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên không trồng bổ sung trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (thay thế Quyết định số 29/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của UBND tỉnh); Đề án hỗ trợ các cơ sở sản xuất giống dê trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn

¹ Như: Đề án "Xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2025" (*Quyết định số 1940/QĐ-UBND ngày 22/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh*); Đề án Xây dựng vùng an toàn dịch bệnh Cúm gia cầm và Niu-cát-xon đối với gà trên địa bàn huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025 (*Quyết định số 2409/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh*); Đề án Phát triển tự động hóa trong nuôi thủy sản thâm canh tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025 (*Quyết định số 2265/QĐ-UBND ngày 11/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh*); Đề án hỗ trợ cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2030 (*Quyết định số 1270/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh*).

2021-2025; Đề án hỗ trợ phát triển sản xuất cây ăn quả có múi theo tiêu chuẩn an toàn, bền vững trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021-2025,...

6. Nâng cao hiệu quả quản lý các công trình thủy lợi, chủ động phòng chống, giảm nhẹ thiên tai

- Chỉ tiêu kế hoạch giao:

Tưới cho 156.743 ha, trong đó lúa Đông Xuân 48.500 ha; lúa mùa 52.300 ha; rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày 51.900 ha; cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm 4.043 ha. Tiêu cho diện tích 136.735 ha.

- Nhiệm vụ, giải pháp:

Đẩy mạnh tái cơ cấu lĩnh vực thủy lợi, trọng tâm là nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi, đảm bảo nhu cầu cung cấp nước cho thâm canh cây trồng, nuôi trồng thủy sản, công nghiệp và phục vụ đời sống dân cư; đẩy mạnh áp dụng kỹ thuật tưới tiết kiệm ở nơi có điều kiện tạo ra đột phá về năng suất chất lượng đối với cây trồng cạn.

Chỉ đạo các địa phương, các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác công trình thủy lợi của tỉnh chủ động xây dựng phương án đảm bảo an toàn công trình đề điều, hồ đập, tham mưu xử lý kịp thời các tình huống thiên tai xảy ra; thường xuyên theo dõi diễn biến của thời tiết và căn cứ vào tình hình nguồn nước tại các hồ chứa trên địa bàn tỉnh để có kế hoạch chống hạn, chống úng, kế hoạch tưới, tiêu tiết kiệm và hiệu quả;

Tăng cường công tác kiểm tra phát hiện các sự cố về đề điều, đề xuất các phương án phòng tránh, xử lý khắc phục sự cố; tổ chức trực ban 24/24 giờ, theo dõi, cập nhật về tình hình mưa, bão, lũ, lốc, các thiên tai khác và đề xuất kịp thời với Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của tỉnh phương án xử lý sự cố các công trình thủy lợi, đề điều và xử lý tình huống, khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra, đảm bảo sản xuất, đời sống và tính mạng của nhân dân. Tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước, phối hợp chặt chẽ với UBND các huyện, thành phố xử lý dứt điểm đối với các vụ vi phạm về đề điều và PCLB, các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

Tập trung chỉ đạo thi công các dự án nâng cấp hồ đập, đề điều đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ theo quy định.

7. Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành; quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và vệ sinh ATTP

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết, chỉ thị, Chương trình, kế hoạch hành động về công tác đảm bảo an toàn thực phẩm như: Nghị quyết số 43/2017/QH14, Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 về tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm. Đẩy mạnh xây dựng các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, nhất là cho các đô thị lớn; tổ chức sản xuất theo hướng tập trung đảm bảo an toàn thực phẩm, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến; tăng cường sử dụng vật tư nông nghiệp theo hướng hữu cơ. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, thanh tra vật tư nông nghiệp, công tác kiểm dịch thú y,

kiểm dịch thực vật; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi sử dụng hóa chất không đúng quy định trong sản xuất nông nghiệp, các hành vi vận chuyển, buôn bán gia súc, gia cầm nhiễm bệnh, mang mầm bệnh, giết mổ trái phép trên địa bàn; công bố công khai những tổ chức và cá nhân vi phạm trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản. Triển khai các chương trình giám sát ATTP, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện ATVSTP. Trong đó tập trung vào kiểm tra các nhóm sản phẩm đang gây bức xúc về chất lượng, ATTP, tạo chuyển biến rõ nét đối với công tác này trong năm 2021.

8. Tập trung thực hiện tốt công tác phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới, nâng cao thu nhập, đời sống cho dân cư nông thôn

- Chỉ tiêu kế hoạch giao:

Số tiêu chí nông thôn mới bình quân năm 2021 toàn tỉnh đạt được/xã là 16,8 tiêu chí (tăng 0,5 tiêu chí so với năm 2020); phấn đấu số xã đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2021 là 14 xã (luỹ kế đến hết năm 2021 phấn đấu có 138 xã đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới - chiếm 75,0%), có 15 xã nông thôn mới nâng cao; Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho xây dựng nông thôn mới, tập trung hoàn thành các tiêu chí để huyện Yên Dũng đạt huyện nông thôn mới vào năm 2021; tỷ lệ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98,5%.

- Nhiệm vụ, giải pháp:

Nâng cao chất lượng phong trào thi đua “Bắc Giang chung sức xây dựng nông thôn mới” và cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Tiếp tục đẩy mạnh, đổi mới công tác tuyên truyền, vận động và nâng cao năng lực cho cán bộ cấp cơ sở về xây dựng nông thôn mới đáp ứng yêu cầu giai đoạn 2021-2025; nhân rộng mô hình mới tạo sự lan tỏa trong nhân dân. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện Chương trình, nâng cao chất lượng công tác thẩm định, xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. Ưu tiên nguồn lực và thực hiện lồng ghép nguồn vốn từ các Chương trình MTQG hỗ trợ các xã đặc biệt khó khăn và các xã, huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới. Đẩy mạnh phát triển sản xuất theo chuỗi liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nâng cao thu nhập cho người dân tạo nội lực xây dựng nông thôn mới. Không để tình trạng phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

Thúc đẩy phát triển các ngành, nghề gắn với định hướng phát triển kinh tế nông thôn; chuyển đổi cơ cấu sản xuất kinh doanh, phát triển các sản phẩm chủ lực theo 3 trục sản phẩm tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn.

Phối hợp hỗ trợ các làng nghề, hộ gia đình, hợp tác xã và doanh nghiệp xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất các sản phẩm thủ công truyền thống theo hướng hiện đại có sức cạnh tranh cao. Đẩy mạnh thực hiện các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất tiêu thụ nông sản, phát triển sản xuất theo hướng liên kết chặt chẽ giữa hộ nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ để giảm chi phí, nâng cao hiệu quả; đẩy mạnh đào tạo, tập huấn chuyên môn nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ quản lý của các HTX nông nghiệp. Tổ chức triển khai thực hiện cơ chế chính sách, giải pháp khuyến khích phát triển kinh tế trang trại đã có của Trung ương và của tỉnh.

Tiếp tục mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo các ngành, nghề cho người dân nông thôn theo Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 về phát triển ngành nghề nông thôn và Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao năng xuất lao động, thu nhập cho nông dân.

9. Tăng cường quản lý, nâng cao chất lượng công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, thu hút đầu tư

Triển khai thực hiện nghiêm Luật Đầu tư Công số 49/2014/QH13; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và các quy định hiện hành về quản lý đầu tư công, quản lý dự án đầu tư xây dựng của TW và của tỉnh. Tập trung chỉ đạo thực hiện các dự án thuộc ngành quản lý đảm bảo chất lượng, tiến độ và an toàn tuyệt đối, sớm phát huy hiệu quả đầu tư. Nâng cao chất lượng công tác quản lý đầu tư xây dựng, việc giao chủ đầu tư cho các đơn vị không đủ điều kiện về năng lực, nâng cao chất lượng công tác tư vấn, công tác đấu thầu; tiếp tục siết chặt xử lý nợ đọng XDCB; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm liên quan đến hoạt động đầu tư XDCB.

Phối hợp với Sở KH&ĐT, UBND các huyện, thành phố hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2019 của Chính phủ; Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND tỉnh Quy định cơ chế, chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2019-2025; Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 26/5/2020 của UBND tỉnh Quy định mức hỗ trợ từng loại hạng mục, công trình đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; phát triển các hình thức đầu tư có sự tham gia của nhà nước và tư nhân theo Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư, để huy động nguồn lực xã hội cho phát triển nông nghiệp, nông thôn.

10. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; nghiêm túc thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Luật Phòng chống tham nhũng; nâng cao chất lượng giải quyết khiếu nại tố cáo; Thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền, thi đua, khen thưởng.

Tiếp tục đổi mới công tác chỉ đạo điều hành, tham mưu, đề xuất đơn giản hóa các thủ tục hành chính, cập nhật kịp thời triển khai các nhiệm vụ về cải cách, kiểm soát thủ tục hành chính mới; kịp thời công bố, công khai các TTHC mới ban hành; sửa đổi, bổ sung; bãi bỏ hoặc hủy bỏ trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, Cổng thông tin điện tử của Sở và nơi tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính. Nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong tiếp cận các dịch vụ công thuộc ngành quản lý.

Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ được giao, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong thực thi công vụ; nâng cao ý thức trách nhiệm, tinh thần phục vụ nhân dân của cán bộ, công chức, viên chức trong toàn ngành. Đổi mới phương thức, lề lối làm việc.

Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng chống tham nhũng. Giải quyết kịp thời, dứt điểm các vụ khiếu nại, tố cáo, giải quyết kịp thời các vụ việc, mâu thuẫn mới phát sinh ngay tại cơ sở. Nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức và ý thức, nhận thức của công dân trong việc giải quyết KNTC và thực hiện các quy định về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo. Chỉ đạo các đơn vị trong ngành giải quyết các vụ việc mới phát sinh ở cơ sở, cần làm rõ thắc mắc của người dân và giải quyết ngay theo đúng các quy định của pháp luật.

Triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng, nhất là tập trung thực hiện Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 06/02/2014 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 21-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Chú trọng thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước về PCTN trọng tâm là Nghị quyết Trung ương 3(khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Luật PCTN năm 2018; Nghị định số 59/2019/NĐ-CP và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ; Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015; Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 10/01/2019; Chỉ thị số 26-CT/TW ngày 09/11/2018 của Bộ chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc; Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc.

Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra các đơn vị trong ngành để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực thuộc ngành quản lý, thực hiện tốt chủ trương tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế; sắp xếp, tổ chức bộ máy trong ngành tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đẩy mạnh thực hiện tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành quản lý.

Trên cơ sở Kế hoạch số 6/KH-UBND ngày 13/01/2021 của UBND tỉnh, tổ chức và triển khai thực hiện có hiệu quả và Kế hoạch số 3/KH-SNN ngày

14/01/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc triển khai thực hiện công tác Phòng, chống tham nhũng năm 2021 trong toàn ngành.

Tăng cường công khai, minh bạch và cung cấp thông tin về các vấn đề của ngành được xã hội quan tâm để tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao trong triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2021.

Kịp thời đánh giá, tổng kết và phản ánh trung thực hoạt động của ngành; phát hiện, phê bình và ngăn chặn kịp thời những hiện tượng tiêu cực, sách nhiễu; biểu dương những gương người tốt, việc làm hay để nhân rộng trong ngành, đưa phong trào thi đua trở thành động lực thúc đẩy hoàn thành nhiệm vụ chính trị của toàn ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

(Chi tiết phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị theo phụ lục gửi kèm theo)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở theo chức năng, nhiệm vụ được phân công; căn cứ Kế hoạch trên ***xây dựng kế hoạch cụ thể của đơn vị mình***, trong đó xác định rõ từng mục tiêu, nhiệm vụ, thời gian và phân công người chịu trách nhiệm. Kế hoạch của các đơn vị gửi Giám đốc và các Phó Giám đốc Sở phụ trách khối, đồng thời gửi về phòng KH-TC Sở **trước ngày 15/02/2021** để theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tiến độ thực hiện.

Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng và cuối năm các đơn vị báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch này trong đó nêu rõ việc đã hoàn thành, việc chưa hoàn thành, nguyên nhân và dự kiến các giải pháp thực hiện tiếp theo, báo cáo gửi về Sở (qua phòng Kế hoạch-Tài chính; Văn phòng Sở theo địa chỉ: ***khtc_snnptnt@bacgiang.gov.vn*** và ***so_nnptnt_vt@bacgiang.gov.vn*** trước ***ngày 20 đối với*** báo cáo tháng và ***trước ngày 20 của tháng cuối quý*** đối với báo cáo quý để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định. Kết quả thực hiện sẽ được xem là một tiêu chí đánh giá người đứng đầu tại các đơn vị.

Giao phòng Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với Văn phòng Sở, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện báo cáo Giám đốc Sở, UBND tỉnh và Bộ NN&PTNT theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp & PTNT (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- PCT UBND tỉnh Lê ô Pích (b/c);
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở (t/h).
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Bá Thành